TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2026/DS-ST
Ngày: 24/4/2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC THƠ

***phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

***- Thư ký phiên toà**:* Bà Lý Hồng Trang ký Toà án nhân dân khu vực Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Thơ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2026/TLST-DS ngày 19/01/2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 147/2026/QĐST-DS ngày 07/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1955 (có mặt) và bà Phan Thị Kim T, sinh ngày mặt). Cùng địa chỉ: Số C, ấp K, xã K, TP Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (có mặt) và bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1978 (có mặt). Cùng địa chỉ: Số D, ấp K, xã K, TP C Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

đơn khởi kiện ngày 09/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ có nhờ ông H và bà T1 vay tiền dùm của nhiều người, ông bà có đi vay dùm cho ông L và bà Đ nhiều lần, mỗi lần vay xong ông L, bà Đ có đưa tiền cho ông bà đóng lãi cho chủ nợ mỗi lần nhờ vay chỉ có 01 lần, đến lần thứ 2 thì ông L, bà Đ không đóng lãi nữa. Các chủ nợ đòi ông bà phải trả vốn và lãi; ông bà phải bỏ tiền ra để đóng lãi thay cho ông L và bà Đ, sau đó ông bà có yêu cầu ông L, bà Đ trả lại số tiền mà ông bà đã trả cho các chủ nợ, nhưng con ông L và bà Đ bị bệnh tim, nên không có tiền trả lại cho ông bà. Từ đó, giữa ông bà, ông L và bà Đ có làm "Giấy thoả thuận trả tiền" có nội dung: ông L và bà Đ1 nợ cho ông bà số tiền 242.000.000 đồng (không tính lãi nữa), mỗi tháng ông L và bà trả cho ông bà số tiền 5.000.000 đồng, bắt đầu trả vào ngày 29/8/2024 âl, đến tháng 02/2025 trả

mỗi tháng 9.000.000 đồng. Từ khi làm giấy thoả thuận trả tiền cho đến nay ông L bà Đ không trả cho ông bà đồng nào.

Ngoài ra vào ngày 05/01/2023, vợ chồng ông Nguyễn Văn L nhờ ông đi vay tiền dùm, hứa ngày sau sẽ trả lại vốn và lãi, ông thấy vợ chồng ông L chỉ vay có 01 ngày nên ông kêu ông L chở ông đi T để vay tiền, ông ông và ông L cùng đi đến tiệm V để vay 30.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 1.200.000 đồng. Khi ông và ông L về đến nhà thì bà Trần Thị Hồng Đ vợ ông L mới làm Biên nhận cho ông giữ.

Đến ngày hôm sau, thì ông L không trả vốn và lãi mà nói với ông để ông L trả lãi hàng tháng, nhưng từ ngày vay cho đến nay ông L bà Đ không trả vốn và lãi cho ông T2 ngày vay cho đến nay vợ chồng ông phải bỏ tiền ra để đóng lãi cho ông L và bà Đ là 32 tháng, mỗi tháng 1200.000 đồng = 38.400.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ trả lại cho vợ chồng ông số tiền 242.000.000 đồng + 30.000.000 đồng đồng và lãi theo quy định của pháp luật. (Tạm tính lãi đối với số tiền vốn 242.000.000 đồng, từ ngày 01/10/2024 đến 01/12/2025 là 14 tháng x tháng x 242.000.000 đồng = 28.120.000 đồng + đối với số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 05/01/2023 đến ngày 05/12/2025 là 14 tháng x 1,66% x 30.000.000 đồng = 6.972.000 đồng, tổng cộng lãi 37.092.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 309.092.000 đồng (272.000.000 đồng + 37.092.000 đồng).

- Tại tờ tường trình ngày 01/4/2026 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ trình bày ý kiến:

Vợ chồng ông có hỏi vay của vợ chồng ông H nhiều lần và vợ chồng ông cũng có đóng lãi nhiều lần. Đến ngày 08/4/2024, ông H và bà T có đến nhà ông và yêu cầu vợ chồng ông làm giấy hợp đồng thỏa thuận trả dần cho ông H, bà T và tự bớt lãi cho ông, cụ thể 164.000.000 tiền gốc và tiền lãi thêm 78.000.000 đồng tổng cộnglà 242.000.000 đồng, nay vợ chồng ông xin trả từ từ theo thỏa thuận. Còn giấy biên nhận số tiền 30.000.000 đồng ngày 05/01/2023, đã tính chung trong giấy thỏa thuận ngày 08/8/2024 âm lịch rồi, nên vợ chồng ông không đồng ý trả nữa.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ thống nhất theo lời trình bày của ông L, nên không có trình bày gì thêm.

phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông H, bà T tổng số tiền nợ vốn vay và lãi là 270.120.000 đồng (Trong đó: Vốn gốc 242.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 01/10/2024 đến 01/12/2025 là 14 tháng x 0,83%/tháng = 28.120.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 270.120.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 05/01/2023 đến 05/12/2025 là 14 tháng x 1,66% = 6.972.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[2] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ trả số tiền nợ tổng cộng là 309.092.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ cư trú tại ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực Thơ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T yêu cầu ông L bà Đ trả số tiền vốn và lãi là 309.092.000 đồng. Thì thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T có cung cấp giấy thỏa thuận trả tiền ngày 08/8/2024 âm lịch, trong đó có phần nội dung "*Tổng số tiền hiện đang nợ: 242.000.000 đồng, phần tiền này có tính lãi cộng dồn vào nhưng tính lãi thấp chỉ vài chục triệu đồng"*. Như vậy, có căn cứ để xác định ông L và bà Đ có vay của bà ông H và bà T số tiền trên là có căn cứ, không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Tuy nhiên, đối với biên nhận nợ ngày 05/01/2023, do bà Đ ký nhận số tiền 30.000.000 đồng, nhưng đối chiếu qua giấy thỏa thuận trả nợ ngày 08/8/2024 âm lịch, thì thấy rằng trong nội dung của tờ thỏa thuận nêu trên có một phần nội dung là "*Giấy hợp đồng nay thay thế toàn bộ các biên nhận mượn tiền trước đây và các biên nhận*

mượn tiền trước đây của Nguyễn Văn L và Trần Thị Hồng Đ với tôi đều không còn giá trị, cho nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T, buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T3 tiền nợ là 242.000.000 đồng và tiền lãi tiền lãi tính từ 01/10/2024 đến 01/12/2025 là 14 tháng x 0,83%/tháng = 28.120.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 270.120.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[9] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Tại phiên Tòa, phía bị đơn yêu cầu được trả dần cho đến khi xong số tiền 242.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này thuộc giải quyết của Thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sựnăm 2015; khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tạicác Điều 271, 273Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T số tiền vay con nợ là 242.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 01/10/2024 đến 01/12/2025 là 14 tháng x 0,83%/tháng = 28.120.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 270.120.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu nguyên nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng.

4. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 270.120.000 đồng x 5% = 13.506.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm lẽ sáu ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim T là người cao tuổi, nên không phải nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí phần yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Cần Thơ;*
- *VKSND khu vực Thơ;*
- *Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;*
(Phòng thi hành án Khu vực 10 Thơ)
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn